

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ ĐÔNG



GIÁO TRÌNH
THỐNG KÊ DÂN SỐ- Y TẾ
Tài liệu đào tạo sơ cấp dân số y tế

Hà Nội - Năm 2011

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

ASDR	: Tỷ suất chết đặc trưng theo tuổi (Age specific dead rate)
ASFR	: Tỷ suất sinh đặc trưng theo tuổi (Age specific fertility)
CDR	: Tỷ suất chết thô (Crude death rate)
DS	: Dân số
DS - KHHGĐ	: Dân số - Kế hoạch hoá gia đình
IMR	: Tỷ suất chết trẻ em (Infant mortality rate)
KHH	: Kế hoạch hoá
KHHGĐ	: Kế hoạch hoá gia đình
TFR	: Tổng tỷ suất sinh (Total fertility rate)
THCS	: Trung học cơ sở
THPT	: Trung học phổ thông
KT - XH	: Kinh tế xã hội
SKSS	: Sức khoẻ sinh sản

LỜI NÓI ĐẦU

Thống kê dân số - y tế nghiên cứu mặt lượng trong sự liên hệ mật thiết với mặt chất của hiện tượng và quá trình dân số. Nó nghiên cứu biểu hiện bằng số lượng của các mặt thuộc về bản chất và quy luật của hiện tượng dân số như: quy mô dân số, cơ cấu dân số; các vấn đề về sinh, chết, kết hôn, ly hôn, chuyển đi, chuyển đến; dự đoán dân số; các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phát triển dân số... của từng vùng, từng địa phương trong những thời gian cụ thể. Ở nước ta trong giai đoạn hiện nay thống kê dân số còn nghiên cứu tình hình thực hiện các biện pháp tránh thai, các hoạt động can thiệp nâng cao chất lượng dân số và các vấn đề liên quan khác.

Nhằm kịp thời đáp ứng yêu cầu đào tạo đối tượng sơ cấp Dân số - Y tế, một mã ngành mới có ở Việt Nam. Đồng thời phù hợp với điều kiện hiện nay và những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác DS - KHHGĐ. Chúng tôi đã tiến hành biên soạn cuốn sách này làm tài liệu học tập cho các lớp đào tạo sơ cấp Dân số - Y tế.

Giáo trình được biên soạn theo chương trình môn học Thống kê dân số- y tế đã được phê duyệt. Cuốn sách gồm 6 bài:

Phần I: LÝ THUYẾT THỐNG KÊ DÂN SỐ Y TẾ

Bài 1. Nhập môn Thống kê Dân số y tế

Bài 2. Thống kê số lượng và cơ cấu dân số

Bài 3. Thống kê biến động dân số

Bài 4. Thống kê y tế

Phần II: HỆ THỐNG BÁO CÁO THỐNG KÊ DÂN SỐ- Y TẾ CƠ SỞ

Bài 5. Sổ hộ gia đình, phiếu thu tin và ghi chép ban đầu

Bài 6. Báo cáo thống kê dân số cơ sở

Xin chân thành cảm ơn các cán bộ của Tổng cục Dân số- Kế hoạch hóa gia đình và các chuyên gia Dân số thuộc Quỹ dân số Liên hợp quốc tại Việt Nam đã có những ý kiến quý báu giúp chúng tôi hoàn thiện giáo trình này.

Đây là giáo trình biên soạn lần đầu dành riêng cho đối tượng sơ cấp Dân số - Y tế, vì vậy không tránh khỏi những thiếu sót, chúng tôi mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu của các nhà khoa học, nhà quản lý và đông đảo bạn đọc.

Các tác giả

MỤC LỤC

	Trang
PHẦN I: LÝ THUYẾT THỐNG KÊ DÂN SỐ - Y TẾ	5
Bài 1. NHẬP MÔN THỐNG KÊ DÂN SỐ - Y TẾ	5
1. Sơ lược sự phát triển của khoa học thống kê dân số	5
2. Đối tượng nghiên cứu của thống kê dân số	7
3. Nhiệm vụ của thống kê dân số.	8
Bài 2. THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG VÀ CƠ CẤU DÂN SỐ	9
1. Thống kê số dân	9
1.1. Số dân thời điểm	9
1.2. Dân số trung bình	10
2. Thống kê phân bố dân số	11
3. Thống kê cơ cấu dân số	12
3.1. Cơ cấu dân số theo giới tính	12
3.2. Cơ cấu dân số theo tuổi	13
Bài 3. THỐNG KÊ BIẾN ĐỘNG DÂN SỐ	15
1. Thống kê mức sinh	15
1.1. Thống kê số trẻ em sinh ra	16
1.2. Thống kê số lần sinh và độ tuổi của bà mẹ	16
1.3. Tỷ suất sinh thô (Crude birth rate - CBR)	16
2. Thống kê mức chết	17
3. Thống kê tình trạng hôn nhân	19
3.1. Thống kê số người kết hôn, ly hôn	19
3.2. Tỷ suất kết hôn thô (CMR)	19
3.3. Tỷ suất ly hôn thô (CDIR)	19
3.4. Tỷ suất kết hôn chung (GMR)	19
3.5. Tỷ suất kết hôn đặc trưng theo tuổi (ASMRx)	20
4. Thống kê nhập cư, xuất cư	20
4.1. Thống kê số người nhập cư	20
4.2. Tỷ suất nhập cư thô (IR)	20
4.3. Tỷ suất xuất cư thô (OR)	21
4.4. Tỷ suất di cư thuần (NMR)	21
5. Các chỉ tiêu phản ánh biến động chung của dân số	21
5.1. Tỷ lệ tăng tự nhiên dân số (Natural increase rate - NIR).	21
5.2. Tỷ lệ tăng dân số	22

PHẦN II: <u>H</u>Ệ THỐNG BÁO CÁO THỐNG KÊ DÂN SỐ- Y TẾ CƠ SỞ	23
Bài 4. SỔ HỘ GIA ĐÌNH, PHIẾU THU TIN VÀ GHI CHÉP BAN ĐẦU	23
1. Ghi trang bìa.	23
2. Trang 1. Bảng kê địa bàn	24
3. Trang hỗ trợ	25
4. Cách ghi trang chính Sổ A0	26
Bài 5. BÁO CÁO THỐNG KÊ DÂN SỐ CƠ SỞ	38
1. Quy định chung.	38
2. Hướng dẫn nghiệp vụ lập báo cáo của cộng tác viên.	38

TaiLieu.vn

PHẦN I: LÝ THUYẾT THỐNG KÊ DÂN SỐ - Y TẾ

Bài 1. NHẬP MÔN THỐNG KÊ DÂN SỐ - Y TẾ

Mục tiêu:

1. *Nêu được sơ lược sự phát triển của khoa học thống kê dân số.*
2. *Nêu được đối tượng nghiên cứu của thống kê dân số.*
3. *Nêu được nhiệm vụ của thống kê dân số.*

1. Sơ lược sự phát triển của khoa học thống kê dân số

Thống kê dân số, một bộ phận của thống kê học, là một trong môn khoa học có lịch sử lâu dài nhất, ra đời và phát triển từ nhu cầu thực tiễn của xã hội. Đó là quá trình tổng hợp và phát triển không ngừng từ đơn giản đến phức tạp và ngày nay trở thành một môn khoa học độc lập.

Thời cổ đại, con người có nhu cầu tính toán số người trong bộ tộc, số người có thể huy động phục vụ chiến đấu, số người được tham gia phân phối của cải thu được.... đó là cơ sở thực tiễn ban đầu của thống kê dân số. Xã hội càng phát triển, việc kiểm kê dân số ngày càng được hoàn thiện hơn. Nghiên cứu lịch sử cho thấy công tác có tính chất thống kê dân số đã xuất hiện từ khoảng hai ngàn năm trước công nguyên ở Hy Lạp, La Mã, Ai Cập, Trung Quốc và nhiều vùng trên thế giới.

Aristotle (384-322 trước công nguyên), bằng các nghiên cứu thực tế đã đưa ra kết luận về hậu quả của việc gia tăng dân số và sự cần thiết phải hạn chế sinh đẻ. Cho đến đầu công nguyên, người ta mới thấy các cuộc điều tra dân số chính thức ở một số nơi trên thế giới. Ví dụ: Trung Quốc đời nhà Hán; ở Ấn độ dưới triều đại Asoka,... Tuy nhiên các cuộc điều tra này còn rất đơn giản và không có phương pháp thu thập số liệu một cách khoa học, chưa có sự tiến bộ so với thời kỳ trước.

Đến cuối thế kỷ thứ XVII, nhà kinh tế học người Anh John Graunt (1620-1674) công bố tác phẩm “Các cuộc điều tra tự nhiên và chính trị về mức độ chết ở Luân đôn” (1662), đánh dấu sự ra đời và phát triển của một môn khoa học thực sự. Thống kê dân số đã phát triển rất nhanh với sự đóng góp của các nhà thống kê- toán nổi tiếng như: W.Petty (Anh, 1623-1687), M.V. Lomonoxop (Nga, 1711-1765), Laplace (Pháp, 1749-1827)...

Ở Việt nam, công tác thống kê dân số của Nhà nước cũng đã xuất hiện từ rất lâu. Theo các chứng cứ lịch sử cho thấy, vào năm thứ 3 trước công nguyên, ở 3 quận Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam (vùng đất thuộc Việt nam ngày nay) người ta đã đếm được 143.643 hộ với 981.735 nhân khẩu. Thế kỷ thứ X, Khúc Hạo, Ngô Quyền coi việc quản lý con người là nắm cái gốc của đất nước, nên đã tiến hành lập sổ kê khai hộ khẩu, kê rõ họ tên, quê quán và giao cho Giáp trưởng trong coi. Đến Triều Lý, việc đăng ký thường xuyên dân số được thực hiện rất nghiêm ngặt và tường tận. Năm 1434, vua Lê Thái Tông xuống chiếu cho cả nước làm sổ hộ tịch và ban dụ: cứ 3 năm làm hộ tịch một lần gọi là tiểu điển, 6 năm làm lại là đại điển. Việc kê khai nhân khẩu làm đến từng xã, phân ra thường trú và tạm trú, những người già lão và tàn tật được phân tổ riêng. Tuy nhiên thời kỳ này chủ yếu là nghiên cứu về số lượng, phương pháp điều tra dựa vào đăng ký theo nhóm.

Sau ngày hoà bình được lập lại (1954), Nhà nước ta tiếp tục thực hiện chế độ đăng ký hộ tịch - hộ khẩu, tiến hành các cuộc Tổng điều tra dân số nhằm nghiên cứu một cách đầy đủ nhất hiện trạng dân số của cả nước, phục vụ công tác xây dựng và phát triển đất nước. Tổng cục Thống kê đảm nhiệm việc quản lý nhà nước đối với công tác thống kê, cơ quan thống kê nhà nước trung ương. Theo hệ thống thống kê nhà nước, các số liệu thống kê dân số được thu thập và báo cáo từ dưới lên theo chế độ báo cáo thống kê định kỳ (được gọi là thống kê thường xuyên). Tại các xã, phường, thị trấn cán bộ thống kê tập hợp các số liệu về dân số của địa phương dựa trên các quy định đăng ký hộ tịch, hộ khẩu, định kỳ báo cáo lên Chi cục thống kê cấp huyện. Ở cấp huyện, Chi cục thống kê tập hợp số liệu, báo cáo theo định kỳ lên Cục thống kê cấp tỉnh (Phòng thống kê Dân số - lao động). Cục thống kê cấp tỉnh định kỳ báo cáo số liệu thống kê dân số của tỉnh lên Vụ thống kê Dân số - Lao động của Tổng cục Thống kê. Tại đây, Vụ Thống kê dân số - Lao động (Tổng cục Thống kê) tổng hợp số liệu dân số cả nước. Để bổ sung những số liệu còn thiếu, kiểm tra và chỉnh lý các số liệu thống kê thường xuyên, các cuộc tổng điều tra dân số còn được Nhà nước giao cho Tổng cục Thống kê thực hiện theo chu kỳ 10 năm. Kể từ sau ngày thống nhất đất nước (1975), nước ta đã thực hiện 4 cuộc Tổng điều tra dân số trên phạm vi cả nước vào 1/10/1979; 1/4/1989, 1/4/1999 và 1/4/2009. Đây là những cuộc điều tra toàn bộ có quy mô lớn nhất cả nước, số liệu Tổng điều tra đáp ứng nhiều nhu cầu khác nhau của các cấp, các ngành và toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Ngoài ra, do nhu cầu riêng hoặc đột xuất, các cấp, các ngành còn tổ chức các cuộc điều tra chọn mẫu về dân số để phục vụ cho các nhu cầu riêng này.

Mặt khác, do yêu cầu của quản lý Chương trình DS-KHHGD, Ủy ban Quốc gia DS-KHHGD (1994-2001), sau là Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em (2002-2008), hiện nay là Bộ Y tế (Tổng cục DS-KHHGD) đã xây dựng hệ thống thông tin thống kê

chuyên ngành từ các xã/phường đến trung ương xuống, nên số liệu thống kê dân số đang ngày càng được hoàn thiện, nâng dần độ chính xác để phục vụ tốt công tác quản lý nhà nước, quản lý kinh tế xã hội.

2. Đối tượng nghiên cứu của thống kê dân số

Theo nghĩa hẹp, Thống kê dân số nghiên cứu các phương pháp điều tra, xử lý số liệu về dân số, phương pháp tính toán, phân tích các hiện tượng, quá trình dân số.... trong điều kiện thời gian và không gian cụ thể.

Theo nghĩa rộng, Thống kê dân số đồng nghĩa với Dân số học

Là một bộ phận của khoa học thống kê, thống kê dân số nghiên cứu mặt lượng trong sự liên hệ mật thiết với mặt chất của hiện tượng và quá trình dân số. Nó nghiên cứu biểu hiện bằng số lượng của các mặt thuộc về bản chất và quy luật của hiện tượng dân số như: quy mô dân số, cơ cấu dân số; các vấn đề về sinh, chết, di dân; dự đoán dân số; các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phát triển dân số... của từng vùng, từng địa phương trong những thời gian cụ thể. Ở nước ta trong giai đoạn hiện nay thống kê dân số còn nghiên cứu tình hình thực hiện các biện pháp tránh thai, các vấn đề liên quan khác.

* Như vậy thống kê dân số cần nêu lên bằng con số về quy mô, cơ cấu, quan hệ so sánh, trình độ phát triển, trình độ phổ biến... của các hiện tượng và quá trình dân số. Thông qua các con số này mà phản ánh được mặt chất của chúng, vì chất và lượng là hai mặt không thể tách rời nhau của mọi sự vật và hiện tượng, chúng có quan hệ biện chứng với nhau. Mỗi lượng cụ thể đều phản ánh một chất nhất định, sự biến đổi về lượng sẽ dẫn tới biến đổi về chất. Vì vậy nghiên cứu mặt lượng có ý nghĩa quan trọng đối với việc nhận thức bản chất của hiện tượng nghiên cứu.

Cũng như các hiện tượng kinh tế - xã hội khác, các hiện tượng mà thống kê dân số nghiên cứu là các hiện tượng số lớn, tức là một tổng thể bao gồm nhiều đơn vị cá biệt. Bởi vì thống kê học coi tổng thể các hiện tượng cá biệt như một thể hoàn chỉnh. Thông qua việc nghiên cứu số lớn các đơn vị, các yếu tố ngẫu nhiên, không bản chất của các hiện tượng cá biệt được bù trừ, triệt tiêu lẫn nhau. Từ đó, bộc lộ bản chất, quy luật phát triển của hiện tượng nghiên cứu.

Tuy vậy không có nghĩa thống kê dân số không nghiên cứu những hiện tượng cá biệt. Bởi vì quá trình phát triển của hiện tượng sẽ nảy sinh những biểu hiện mới, tiên tiến. Chẳng hạn khi nghiên cứu tỷ suất sinh của cả nước cần xem xét những tỉnh có mức sinh thấp, đặc biệt ở các vùng nông thôn - nơi được đặt trọng tâm cho các mục tiêu giảm sinh để rút kinh nghiệm cho công tác chỉ đạo và quản lý. Cho nên nghiên cứu hiện tượng số lớn kết hợp với nghiên cứu hiện tượng cá biệt là cần thiết giúp cho việc

nhận thức hiện tượng dân số được toàn diện, phong phú và sâu sắc hơn.

Hiện tượng và quá trình dân số bao giờ cũng tồn tại trong những điều kiện thời gian và địa điểm cụ thể. Trong những điều kiện lịch sử khác nhau thì đặc điểm về chất và biểu hiện về lượng của chúng cũng khác nhau. Như vậy, đối tượng nghiên cứu của Thống kê dân số là mặt lượng trong sự liên kết mật thiết với mặt chất của số lớn các hiện tượng và quá trình dân số, trong điều kiện thời gian và địa điểm cụ thể.

3. Nhiệm vụ của thống kê dân số.

Xuất phát từ đối tượng nghiên cứu trên, Thống kê dân số có những nhiệm vụ cụ thể sau:

- Nghiên cứu số lượng, các xu hướng biến đổi của số lượng và phân bố dân số theo các vùng lãnh thổ.
- Nghiên cứu cơ cấu dân số theo các tiêu thức khác nhau như độ tuổi, giới tính, tình trạng hôn nhân, đoàn hệ, dân tộc, nghề nghiệp, trình độ văn hóa..
- Xác định các chỉ tiêu phản ánh toàn bộ quá trình tái sản xuất dân số như mức sinh, mức chết, hôn nhân thông qua các chỉ tiêu phản ánh số lượng và các chỉ tiêu phản ánh cơ cấu như tỷ suất sinh đặc trưng theo nhóm tuổi, tổng tỷ suất sinh, tỷ lệ chết, tỷ lệ tăng tự nhiên, tỷ lệ kết hôn, tỷ lệ ly hôn...
- Nghiên cứu về biến động cơ học như tỷ suất xuất cư, tỷ suất nhập cư
- Nghiên cứu xu thế của các hiện tượng dân số và quá trình dân số trong tương lai, dự báo dân số.

Ngoài ra ở nước ta, công tác Thống kê dân số còn thêm nhiệm vụ sau:

- Đưa ra các số liệu phản ánh chất lượng dân số về thể chất, thông qua việc thực hiện sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh. Dự đoán nhu cầu và xu hướng của chất lượng dân số về thể chất.
- Đưa ra các số liệu phản ánh tình hình thực hiện kế hoạch hóa gia đình (KHHGĐ), sử dụng và không sử dụng các biện pháp tránh thai, cơ cấu các biện pháp tránh thai đang sử dụng. Các vấn đề về dịch vụ KHHGĐ, chăm sóc sức khỏe sinh sản, chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em. Dự đoán nhu cầu và xu hướng sử dụng biện pháp tránh thai.
- Các số liệu về nhận thức, hiểu biết, thái độ và hành vi của nhóm đối tượng được truyền thông giáo dục, thay đổi hành vi.
- Căn cứ vào yêu cầu quản lý, hệ thống hóa và tập hợp các nguồn số liệu hiện có để tổ chức hệ thông tin quản lý chuyên ngành DS-KHHGĐ

Như vậy, lĩnh vực nghiên cứu của thống kê dân số rất rộng, bao trùm tất cả các khâu của quá trình tái sản xuất dân số, từ việc phản ánh trạng thái dân cư trong những điều kiện lịch sử cụ thể đến nhận thức được các tính quy luật của quá trình phát triển dân số và lĩnh vực kế hoạch hóa gia đình.

Câu hỏi lượng giá

1. Thống kê dân số nhà nước ở Việt Nam phát triển như thế nào?
2. Thống kê dân số ở Việt Nam được tổ chức như thế nào?
3. Hãy so sánh Thống kê dân số và dân số học?
4. Hãy nêu các nhiệm vụ của thống kê dân số.

Bài 2. THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG VÀ CƠ CẤU DÂN SỐ

Mục tiêu

1. *Nêu được khái niệm, ý nghĩa và chỉ tiêu của thống kê số dân*
2. *Nêu được khái niệm, ý nghĩa và chỉ tiêu của thống kê phân bố dân số*
3. *Nêu được khái niệm, ý nghĩa và chỉ tiêu của thống kê cơ cấu dân số*

1. Thống kê số dân

1.1. Số dân thời điểm

Số dân thời điểm là chỉ tiêu phản ánh số lượng nhân khẩu của một đơn vị lãnh thổ, một vùng tại một thời điểm xác định.

Số dân luôn là kết quả đầu tiên thu được trong các cuộc điều tra dân số, là chỉ tiêu cơ bản nhất trong hệ thống các chỉ tiêu thống kê dân số. Chỉ tiêu này cho biết quy mô dân số của một đơn vị lãnh thổ tại thời điểm nghiên cứu.

Thống kê số dân của một địa phương phụ thuộc vào diện tích, phân bố dân cư và phụ thuộc vào phương pháp xác định nhân khẩu. Trong thống kê dân số người ta phân biệt ba loại nhân khẩu sau:

Nhân khẩu có mặt: Là tất cả những người có mặt tại một đơn vị hành chính nhất định vào đúng thời điểm điều tra, không kể thời gian họ có mặt tại đơn vị điều tra là